| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:08/2019/HNGĐ - PT
Ngày 16 tháng 04 năm 2019
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Tuấn Minh

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Minh Hải; bà Tòng Thị Hiền

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thinh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16/4/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn la, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/TLPT - DS ngày 26/12/2018 về việc: Xin ly hôn, Tranh chấp tài sản khi ly hôn. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2019/QĐ - ST ngày 01 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lò Thị T. Địa chỉ: Tiểu khu 1, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N. Địa chỉ: Tiểu khu 1, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Đỗ Văn T và chị Lường Thị O. Địa chỉ: Bản PB, xã MN, huyện TC, tỉnh Sơn La. Có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Hà Trung V và bà Lò Thị Ti. Địa chỉ: Bản NS, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

+ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Sơn La, Phòng giao dịch huyện MS, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc C - Giám đốc phòng giao dịch Cò Nòi, huyện MS. Có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

+ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Sơn La - Phòng giao dịch huyện MS, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: ông Cầm Văn S - Giám đốc Phòng giao dịch huyện MS, tỉnh Sơn La. Có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Lò Thị T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn N kết hôn với nhau từ năm 2007, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N thường xuyên vắng nhà, không tu trí làm ăn. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà cấp IV được xây dựng vào năm 2014 nằm trên diện tích 62m$^2$ đất ở nông thôn, đất  nhận chuyển nhượng từ DNTN kinh doanh tổng hợp Đ T vào năm 2013. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 452064, vào sổ cấp GCN số CH00116 theo Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 do UBND huyện MS cấp mang tên Lò Thị T. Ngoài ra ông bà còn có một số tài sản khác gồm 01 kệ ti vi mua năm 2015; 01 ti vi mua năm 2015; 01 tủ lạnh Panasonic mua năm 2016; 01 xe máy Airblade.

Về nợ chung: Nợ ông Hà Trung V, bà Lò Thị T (bố mẹ chồng cũ của bà T) số tiền là 200.000.000đ vào ngày 28/9/2013. Nợ anh Đỗ Văn T, chị Lường Thị O số tiền 200.000.000đ vào ngày 05/3/2014; Nợ ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện MS – Phòng giao dịch Cò

Nòi số tiền là 100.000.000đ vào tháng 10/2014. Hiện khoản nợ này bà T đã trả được 65.000.000đ tiền gốc cho Ngân hàng. Nợ ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện MS, tỉnh Sơn La số tiền vay vốn nước sạch là 12.000.000đ. Tổng cộng là 512.000.000đ.

Bà T có nguyện vọng được nhận tiếp tục ở nhà, đất và sử dụng các tài sản chung khác như kệ ti vi, ti vi, tủ lạnh, xe máy và nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho các chủ nợ. Đồng thời bà hỗ trợ thêm cho ông N số tiền là 30.000.000đ.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ông nhất trí với lời trình bày của bà T về thời gian, địa điểm kết hôn, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai ông bà là do từ tháng 8/2017 ông N đi làm ăn xa, bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng rạn nứt tình cảm. Ông N nhất trí ly hôn với bà T.

Về tài sản chung: Ông xác nhận tài sản chung gồm có 01 ngôi nhà cấp IV nằm trên diện tích đất 62m$^2$ ở nông thôn tại Tiểu khu 1, xã CN, Mai Sơn, 01 xe máy Airbalde; 01 ti vi, 01 kệ ti vi; 01 tủ lạnh; 03 chiếc máy khâu công nghiệp và các trang thiết bị, nguyên vật liệu may mặc khác.

Về nợ chung: Ông xác nhận hai khoản nợ Ngân hàng còn khoản nợ ông Hà Trung Vinh, bà Lò Thị Tiển và anh Đỗ Văn T, chị Lường Thị O ông không biết nên không thừa nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng.

Ông N có nguyện vọng được tiếp tục ở lại nhà, đất và được sử dụng 01 chiếc xe máy, 01 chiếc ti vi, 01 chiếc máy khâu công nghiệp và trả tiền chênh lệch tài sản chung cho bà T theo kết quả định giá. Đối với khoản nợ chung, ông bà mỗi người có trách nhiệm trả một nửa cho Ngân hàng khi đến thời hạn trả theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Trung V, bà Lò Thị T trình bày:*

Ông bà là bố mẹ chồng trước đây của bà Lò Thị T. Ngày 28/9/2013, bà T trực tiếp đến nhà hỏi vay tiền của ông bà để mua đất làm nhà ở. Do bà T chưa có nhà ở ổn định, ông bà cũng thương cháu nội là con chung của bà T và con trai ruột của ông bà nên đồng ý cho bà T vay tiền. Ngày 28/9/2018 ông bà cho bà T vay số tiền 200.000.000đ không tính lãi hai bên có viết giấy vay tiền, hẹn đến 31/12/2018 bà T sẽ trả đủ số tiền trên cho ông bà. Nay bà T, ông N có đơn yêu

cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án, ông bà đề nghị bà T và ông N có trách nhiệm trả cho ông, bà số tiền vay nợ trên vì việc vay tiền được sử dụng vào mục đích mua đất làm nhà ở chung của hai vợ chồng T, N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn T, chị Lường Thị O trình bày:*

Anh T và chị O là em gái và em rể của bà T. Ngày 05/3/2014, bà T trực tiếp đến nhà của anh chị tại bản PB, xã MN, huyện TC, tỉnh Sơn La để hỏi vay tiền làm nhà ở. Anh chị đã bàn bạc và thống nhất cho bà T vay số tiền là 200.000.000đ, khi vay có viết giấy vay tiền với lãi suất là 0,5%/tháng, hẹn đến ngày 05/3/2017 bà T sẽ trả đủ số tiền trên cho anh chị. Tuy nhiên đến nay do mâu thuẫn vợ chồng nên bà T vẫn chưa trả được cho anh chị số tiền trên. Anh chị yêu cầu ông N và bà T khi giải quyết ly hôn cùng có trách nhiệm trả cho anh chị số tiền đã vay vì tiền vay được sử dụng vào việc xây nhà ở chung cho cả hai vợ chồng T, N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện MS, tỉnh Sơn La.* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc C - Giám đốc phòng giao dịch Cò Nòi, huyện MS trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 01 – 2016/HĐTD ngày 20/10/2016, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sơn La – Phòng Giao dịch Cò Nòi, huyện MS cho vợ chồng bà Lò Thị T, ông Nguyễn Văn N (Tiểu khu 1, xã CN) vay số tiền 100.000.000đ. Thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày giải ngân 21/10/2016, mục đích mua trâu bò, lãi trong hạn 10%/năm, lãi quá hạn 15%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất số BT 542064. Trong quá trình vay, tính đến ngày 06/11/2018, bà T đã trả cho Ngân hàng 65.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại 35.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh cho đến hết thời hạn vay. Khi bà T, ông N giải quyết ly hôn, Ngân hàng đề nghị bà T, ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại là 35.000.000đ. Đồng thời Ngân hàng được tiếp tục tính lãi trên dư nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thu hồi hết nợ gốc. Trường hợp bà T, ông N không trả đủ tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Sơn La*. Người đại diện theo ủy quyền: ông Cầm Văn Sơn - Giám đốc Phòng giao dịch huyện MS, tỉnh Sơn La trình bày:

Ngày 10/4/2016, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện MS, tỉnh Sơn La đã ký hợp đồng vay vốn với hộ gia đình bà Lò Thị T (tiểu khu 1, xã CN) theo mã món vay số 66000000707069354, số tiền vay 12.000.000đ do bà Lò Thị T là người đại diện đứng tên trong hồ sơ vay vốn. Thời hạn vay vốn là 05 năm. Quá trình vay vốn đều có sự nhất trí của hai vợ chồng bà T, ông N. Người vay và người thừa kế đều ký tên trong hợp đồng vay vốn. Nếu bà T, ông N thỏa thuận được về trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng nhất trí để bà T là người trực tiếp có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc nói trên cùng lãi phát sinh khi đến thời hạn trả nợ.

* Tại bản án số 173/2018/HNGĐ – ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 29, 30, 33, 37, 59 và Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lò Thị T và ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:

3.1. Chia cho bà Lò Thị T được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn một tầng, tường chịu lực, mái đổ bê tông cốt thép. Diện tích xây dựng 62m$^2$, nền lát gạch Ceramic, xây dựng năm 2014 có giá trị 198.772.000đ. Nhà được xây dựng trên diện tích 62m$^2$ đất ở nông thôn tại Tiểu khu 1, xã CN, thuộc thửa số 50/2, tờ bản đồ số QH. Tứ cận tiếp giáp đất như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 50/5: 4,8m; Phía Nam giáp tuyến đường số 20: cách tim đường 8,25m; Phía Đông giáp thửa đất số 50/3: 12,9m; Phía Tây giáp đất ông Đỗ Văn Tuấn: 12,9m. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 452064, số vào sổ cấp GCN CH 00116 theo Quyết định số 1905/QĐ – UBND ngày 05/8/2014 mang tên người sử dụng đất Lò Thị T (Hiện trạng sử dụng đất đúng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp). Quyền sử dụng đất có giá trị 165.000.000đ.

Và tài sản khác: 01 kệ ti vi có giá trị 2.000.000đ; 01 ti vi Sony có giá trị 4.000.000đ; 01 tủ lạnh Panasonic có giá trị 1.000.000đ; 01 chiếc xe máy Honda

Airblae có giá trị 12.000.000đ đăng ký mang tên mẹ đẻ bà T là Lò Thị S. Tổng giá trị tài sản: 385.772.000đ (Ba trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

3.2. Ông N được nhận 40.000.000đ do bà T tự nguyện trả.

3.3. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Trung Vinh, bà Lò Thị Tiển và anh Đỗ Văn T, chị Lường Thị O. Chấp nhận việc bà T tự nguyện trả toàn bộ các khoản nợ chung:

- Trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện MS – Phòng giao dịch Cò Nòi số tiền gốc là 35.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết khi trả hết nợ gốc.

- Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch huyện MS số tiền là 12.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký đến khi trả hết nợ gốc.

- Trả cho ông Hà Trung Vinh, bà Lò Thị Tiển số tiền là 200.000.000đ khi ông Vinh, bà Tiển có yêu cầu. Trả cho anh Đỗ Văn T, chị Lường Thị O số tiền là 200.000.000đ khi anh T, chị O có yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2018 bị đơn anh Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc định giá tài sản do không yêu cầu Tòa án phân chia và phần nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Tòa án: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm số 173/2018/HNGĐ-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La về án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn N và bà Lò Thị T xác định được khối tài sản chung gồm có: Diện tích 62m$^2$ đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 452064, số vào sổ cấp GCN CH 00116 theo Quyết định số 1905/QĐ – UBND ngày 05/8/2014 mang tên người sử dụng đất bà Lò Thị T. Trên đất có 01 nhà xây cấp IV và một số tài sản khác. Do ông N và bà T không tự thỏa thuận được về giá trị khối tài sản chung nên cấp sơ thẩm đã tiến hành thành lập hội đồng định giá tài sản là đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn N đối với yêu cầu không nhờ Tòa án phân chia khối tài sản chung, vì qua hai lần định giá tài sản đều không phù hợp với giá trị thực tế, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 24/8/2018, UBND huyện MS, tỉnh Sơn La đã thành lập Hội đồng định giá tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn bà Lò Thị T. Ngày 12/11/2018, UBND huyện MS, tỉnh Sơn La tiếp tục thành lập Hội đồng định giá tài sản theo yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn N. Cả hai lần định giá khối tài sản đều có sự tham gia chứng kiến của chính quyền địa phương, ông Nguyễn Văn N, bà Lò Thị T đều nhất trí với kết quả định giá và ký tên vào biên bản. Do vậy, không căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N về nội dung này.

[3] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn N về việc tách khoản nợ của ông Hà Trung V, bà Lò Thị T và anh Đỗ Văn T, chị Lường Thị O thành vụ án độc lập, HĐXX thấy rằng: nếu tách khoản nợ chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Lò Thị T để giải quyết bằng một vụ án khác sẽ không đảm bảo cho việc giải quyết vụ án đúng quy định, hơn nữa đề nghị này của ông N cũng không được bà T chấp nhận.

[4] Đối với khoản nợ ông Hà Trung V, bà Lò Thị T số tiền 200.000.000đ không tính lãi vào ngày 28/9/2013 và khoản nợ anh Đỗ Văn T, chị Lường Thị O số tiền 200.000.000đ, lãi suất 0,5%/tháng vào ngày 05/3/2014, các khoản nợ trên đều do bà T ký tên vào bên vay. Bà T khai đã sử dụng số tiền vay trên vào việc mua đất và làm nhà, ông N khai không biết việc bà T vay tiền sử dụng vào mục đích gì, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời điểm bà T vay tiền của ông Vinh, bà Tiển vào cuối năm 2013 để mua đất và vay tiền của anh T, chị O vào đầu năm

2014 để làm nhà phù hợp với lời khai của những người cho bà T vay tiền cũng như những người biết sự việc làm chứng. Việc ông N khai không biết bà T vay tiền sử dụng vào mục đích gì là không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, năm 2016, ông N và bà T tiếp tục ký kết hợp đồng vay tiền của hai Ngân hàng với tổng số tiền 112.000.000đ. Đến năm 2017 giữa ông N, bà T mới xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân. Như vậy, xác định ông N phải có trách nhiệm liên đới trả tất cả các khoản nợ chung cùng bà T do các khoản nợ bà T vay đều nhằm mục đích mua đất, xây nhà và một phần phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà T đề nghị không trả tiền chênh lệch cho ông N và chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ chung của vợ chồng, ngoài ra bà T còn hỗ trợ thêm cho ông N số tiền 40.000.000đ. Tại cấp phúc thẩm, bà T vẫn giữ nguyên đề nghị trên, nên cần chấp nhận.

[5] Từ sự phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định chung.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 173/2018/HNGĐ-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La như sau:

1. Chia cho bà Lò Thị T được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn một tầng, tường chịu lực, mái đổ bê tông cốt thép. Diện tích xây dựng 62m$^2$, nền lát gạch Ceramic, xây dựng năm 2014 có giá trị 198.772.000đ. Nhà được xây dựng trên diện tích 62m$^2$ đất ở nông thôn tại Tiểu khu 1, xã CN, thuộc thửa số 50/2, tờ bản đồ số QH. Tứ cận tiếp giáp đất như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 50/5: 4,8m; Phía Nam giáp tuyến đường số 20: cách tim đường 8,25m; Phía Đông giáp thửa đất số 50/3: 12,9m; Phía Tây giáp đất ông Đỗ Văn Tuấn: 12,9m. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 452064, số vào sổ cấp GCN CH 00116 theo Quyết định số 1905/QĐ – UBND ngày 05/8/2014 mang tên người sử dụng đất Lò Thị T (Hiện trạng sử dụng đất đúng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp). Quyền sử

dụng đất có giá trị 165.000.000đ.

Và tài sản khác: 01 kệ ti vi có giá trị 2.000.000đ; 01 ti vi Sony có giá trị 4.000.000đ; 01 tủ lạnh Panasonic có giá trị 1.000.000đ; 01 chiếc xe máy Honda Airblae có giá trị 12.000.000đ đăng ký mang tên mẹ đẻ bà T là Lò Thị Sim. Tổng giá trị tài sản là: 385.772.000đ (Ba trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn N được nhận 40.000.000đ do bà T tự nguyện trả.

2. Chấp nhận yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Hà Trung V, bà Lò Thị T; anh Đỗ Văn T, chị Lường Thị O về việc bà Lò Thị T tự nguyện trả toàn bộ các khoản nợ chung gồm:

- Trả cho ông Hà Trung V, bà Lò Thị T số tiền là 200.000.000đ khi ông Vinh, bà Tiển có yêu cầu.

- Trả cho anh Đỗ Văn T, chị Lường Thị O số tiền là 200.000.000đ khi anh T, chị O có yêu cầu.

- Trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thân Việt Nam – Chi nhánh Sơn La – Phàng giao dịch Cò Nòi số tiền gốc là 35.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký đến khi trả hết nợ gốc.

- Trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch huyện MS số tiền gốc là 12.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký đến khi trả hết nợ gốc.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001814 ngày 05/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 16/4/2019).

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

*án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện MS, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Tuấn Minh**